ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 131/2026/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải;

Căn cứ Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết 66.25/2026/NQ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về khu công nghiệp, địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11569//TTr- SNNMT ngày 16 tháng 9 năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định ban hành quy định phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp, phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, bao gồm quản lý nguồn thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; quản lý chất thải rắn sinh hoạt và thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; các Sở, ban, ngành khác thuộc tỉnh; Uỷ ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp, phân công trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Việc phân cấp, phân công phải bảo đảm rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ đối tượng quản lý, gắn với trách nhiệm kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý cấp trên.

4. Bảo đảm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị; không chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ trong quá trình tổ chức thực hiện; phát huy tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được phân cấp, phân công.

5. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trên địa bàn tỉnh.

6. Trường hợp phát sinh vụ việc vượt thẩm quyền hoặc liên quan từ hai (02) đơn vị hành chính cấp xã trở lên, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xử lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo hoặc phối hợp giải quyết theo quy định.

7. Nội dung phân cấp, phân công phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị; việc phân cấp, phân công chỉ thực hiện trong phạm vi pháp luật cho phép, không làm phát sinh thẩm quyền ngoài quy định của pháp luật.

8. Cơ quan, đơn vị được phân cấp, phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân công; bảo đảm đủ nguồn lực, nhân lực, điều kiện tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II
PHÂN CẤP, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Phân cấp và phân công trách nhiệm quản lý đối tượng về bảo vệ môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quản lý nguồn thải, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về môi trường, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng sau đây:

a) Các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, nằm ngoài Khu công nghiệp, Khu công nghệ số tập trung và Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ;

b) Các nguồn thải có phạm vi ảnh hưởng liên quan từ hai (02) đơn vị hành chính cấp xã trở lên hoặc thuộc trường hợp phải tổ chức kiểm tra, xử lý ở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Các khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái môi trường; các điểm nóng về môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh;

d) Các đối tượng khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng sau đây:

a) Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, Khu công nghệ số tập trung và Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ;

b) Các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong Khu công nghiệp, Khu công nghệ số tập trung và Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ thuộc phạm vi quản lý môi trường của Ban Quản lý các Khu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các công trình, hệ thống bảo vệ môi trường, hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục và các nguồn thải phát sinh của chủ đầu tư hạ tầng và các đơn vị thứ cấp trong khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung và khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo quy định của pháp luật;

d) Các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng sau đây:

a) Các dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng đăng ký môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật;

b) Các nguồn thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, khu dân cư, chợ, trường học, cơ sở y tế, công trình công cộng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động dân sinh khác trên địa bàn không thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;

c) Các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; các khu vực công cộng có phát sinh chất thải thuộc phạm vi quản lý;

d) Các đối tượng khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp một đối tượng thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan theo quy định của pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường, tiếp nhận đăng ký môi trường hoặc cơ quan được pháp luật giao quản lý trực tiếp đối

tượng đó chủ trì thực hiện; các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh.

Điều 5. Quản lý nguồn thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý nguồn thải; kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức điều tra, rà soát, thống kê, xây dựng, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu nguồn thải; theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường; xác định, cập nhật danh mục nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

c) Tổ chức quản lý, theo dõi, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này;

d) Chủ trì theo dõi, quản lý các khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái môi trường; các điểm nóng về môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh;

đ) Tổ chức tiếp nhận, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

e) Theo dõi, giám sát, kiểm soát số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; kịp thời cảnh báo, yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện các biện pháp khắc phục đối với trường hợp gián đoạn truyền dữ liệu, không truyền dữ liệu hoặc có kết quả quan trắc vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

g) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác quản lý nguồn thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định;

h) Tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý nguồn thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tổ chức quản lý, theo dõi, giám sát các nguồn thải phát sinh từ các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng và các đơn vị thứ cấp trong khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung và khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này;

b) Rà soát, thống kê, lập danh mục, cập nhật và cung cấp thông tin về các đối tượng, nguồn thải thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này để phục vụ công tác quản lý môi trường và xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh;

c) Theo dõi, giám sát số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, Khu công nghệ số tập trung và Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ và các cơ sở thuộc phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện, yêu cầu thực hiện các biện pháp khắc phục đối với trường hợp gián đoạn truyền dữ liệu, không có dữ liệu hoặc có kết quả quan trắc vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

d) Tổ chức theo dõi, giám sát các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường trong phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường theo quy định;

đ) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về tình hình quản lý nguồn thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

3. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức quản lý, kiểm soát các nguồn thải phát sinh trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Rà soát, thống kê, lập danh mục và cập nhật thông tin đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này và các nguồn thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Tiếp nhận đăng ký môi trường theo thẩm quyền; quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nội dung đăng ký môi trường của tổ chức, cá nhân theo quy định;

d) Theo dõi, giám sát các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trên địa bàn; kịp thời phát hiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó ban đầu khi xảy ra sự cố môi trường;

đ) Tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; phát hiện và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình quản lý nguồn thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định.

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cập nhật, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nguồn thải, chất lượng môi trường và các vấn đề môi trường phát sinh thuộc phạm vi quản lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh theo quy định.

Điều 6. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì tiếp nhận, phân loại, xử lý hoặc tham mưu xử lý các phản ánh, kiến nghị về môi trường đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý các vụ việc ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, tranh chấp môi trường hoặc các vấn đề môi trường có phạm vi ảnh hưởng liên xã, liên địa bàn hoặc vượt thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Trường hợp nội dung phản ánh, kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết, thực hiện việc chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Tổng hợp, theo dõi kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Chủ trì tiếp nhận, phân loại, xử lý hoặc tham mưu xử lý các phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường liên quan đến các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức kiểm tra, xác minh, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong quá trình kiểm tra, xác minh và xử lý các vụ việc môi trường phát sinh trong khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung và khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ có liên quan;

d) Trường hợp vụ việc vượt thẩm quyền hoặc có dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp xử lý theo quy định;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư về môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức kiểm tra, xác minh nội dung phản ánh, kiến nghị; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý;

c) Thông báo cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư đã phản ánh, kiến nghị hoặc thực hiện công khai kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp vụ việc vượt thẩm quyền, có tính chất phức tạp hoặc có phạm vi ảnh hưởng liên quan từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn, phối hợp xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy định.

4. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường được thực hiện thông qua các hình thức theo quy định của pháp luật, bao gồm tiếp nhận trực tiếp, bằng văn bản, qua hệ thống thông tin, đường dây nóng, cổng thông tin điện tử hoặc các hình thức hợp pháp khác.

Điều 7. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường khi có yêu cầu hoặc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát, tình hình xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường;

d) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan liên quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Điều 8. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tham mưu xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; theo dõi, tổng hợp tình hình, tham mưu các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố môi trường khi được cơ quan có thẩm quyền giao;

b) Theo dõi, giám sát diễn biến chất lượng môi trường; thu thập, tổng hợp thông tin về nguy cơ sự cố môi trường; cập nhật cơ sở dữ liệu về các nguồn có nguy cơ gây sự cố môi trường; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố môi trường theo quy định;

c) Chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý;

d) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xác định phạm vi ảnh hưởng, tham mưu các giải pháp khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định;

đ) Tổng hợp, báo cáo tình hình phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với các khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung và khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ và các cơ sở thuộc phạm vi quản lý thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định; kiểm tra việc thực hiện theo thẩm quyền;

c) Theo dõi, giám sát việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường, hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, các khu vực lưu giữ chất thải và các hạng mục có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong phạm vi quản lý;

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố trong việc theo dõi, nắm bắt tình hình, hỗ trợ cơ sở thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trong phạm vi quản lý;

đ) Phối hợp xác định nguyên nhân, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự cố môi trường; đôn đốc, giám sát việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường theo quy định;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho cộng đồng dân cư;

b) Theo dõi, phát hiện, tiếp nhận thông tin về nguy cơ xảy ra hoặc sự cố môi trường; thực hiện cảnh báo, thông báo cho cộng đồng dân cư và cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; huy động lực lượng, phương tiện, vật tư và các nguồn lực tại chỗ theo thẩm quyền để ứng phó sự cố môi trường theo phương châm "bốn tại chỗ";

d) Trường hợp sự cố môi trường vượt quá khả năng ứng phó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để tổ chức ứng phó theo quy định; đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp xử lý;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình khoanh vùng, kiểm soát ô nhiễm, khắc phục hậu quả và phục hồi môi trường sau sự cố;

e) Giám sát việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả sự cố môi trường trên địa bàn; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

4. Nguyên tắc phối hợp

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm trao đổi, cung cấp kịp thời thông tin, phối hợp triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố môi trường theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao;

b) Việc tổ chức ứng phó sự cố môi trường được thực hiện theo cấp độ và thẩm quyền quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo đảm việc tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gây sự cố và theo thẩm quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cấp xã, cấp tỉnh và cấp quốc gia theo quy định của pháp luật.

5. Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó, thông báo sự cố môi trường và khắc phục hậu quả sự cố môi trường theo quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung và khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 10. Thu phí bảo vệ môi trường

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện công tác quản lý và thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức rà soát, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu các đối tượng thuộc diện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và phí bảo vệ môi trường đối với khí thải thuộc phạm vi quản lý;

c) Hướng dẫn, đôn đốc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác rà soát, thống kê, quản lý đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và phí bảo vệ môi trường đối với khí thải;

d) Chủ trì tổng hợp số liệu, báo cáo tình hình quản lý và thu phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Rà soát, thống kê, cập nhật các cơ sở thuộc đối tượng kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, phí bảo vệ môi trường đối với khí thải của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định;

c) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; phí bảo vệ môi trường đối với khí thải của các đơn vị, cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này và theo quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra, xác minh thông tin phục vụ công tác thu phí; kịp thời phát hiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với các trường hợp không kê khai, kê khai không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định;

đ) Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo tình hình quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, phí bảo vệ môi trường đối với khí thải của chủ đầu tư hạ tầng và các đơn vị thứ cấp trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ số tập trung và Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Rà soát, thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc đối tượng kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

b) Quản lý đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định;

c) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này và theo quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra, xác minh thông tin phục vụ công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; kịp thời phát hiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với các trường hợp không kê khai, kê khai không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định;

đ) Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo tình hình quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp, phân công; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; điều tra, xác minh nguyên nhân các vụ việc ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong quản lý hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn xây dựng và các nội dung bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý ngành xây dựng theo quy định.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Uỷ ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong quản lý môi trường đối với các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực công thương.

5. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong quản lý chất thải y tế; chỉ đạo các cơ sở y tế thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tham gia ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường có liên quan đến lĩnh vực y tế theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác bảo vệ môi trường; hỗ trợ xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố môi trường, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường và các tình huống môi trường khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Thanh tra tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vụ việc về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Các sở, ngành khác

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan trong tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chương III
KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ PHỐI HỢP

Điều 12. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Việc kiểm tra, giám sát chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không làm cản trở hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước khác.

2. Kiểm tra, giám sát được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

3. Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện trong các trường hợp:

a) Có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân hoặc cộng đồng dân cư liên quan đến công tác bảo vệ môi trường;

b) Phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Xảy ra sự cố môi trường hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường;

d) Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp, lưu trữ kết quả kiểm tra và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã được phân cấp, phân công cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo theo quy định.

Điều 13. Cơ chế phối hợp và chuyển cấp

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp trong thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước;

c) Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố môi trường;

d) Tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vụ việc vượt thẩm quyền giải quyết hoặc có phạm vi ảnh hưởng liên quan từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên hoặc liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, phối hợp xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định. Khi chuyển vụ việc vượt thẩm quyền, cơ quan chuyển hồ sơ có trách nhiệm gửi đầy đủ hồ sơ, tài liệu, kết quả kiểm tra, xác minh ban đầu và các thông tin liên quan; đồng thời tiếp tục phối hợp với cơ quan chủ trì giải quyết cho đến khi vụ việc được xử lý xong.

3. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp phát sinh vụ việc ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường hoặc các vấn đề môi trường phức tạp liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị hoặc nhiều địa bàn thì Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh, tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 14. Bảo đảm điều kiện thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân công

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu môi trường dùng chung; hướng dẫn việc cập nhật, khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu môi trường theo quy định;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân công; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Bố trí nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện việc thu thập, cập nhật, quản lý, chia sẻ thông tin, dữ liệu môi trường thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định;

d) Kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường được bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ vượt quá khả năng bảo đảm về nhân lực, kinh phí hoặc điều kiện thực hiện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ theo quy định.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế bằng các văn bản khác thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.